

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp
quyền nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Chinh.
2. Ông Nguyễn Thiện Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số A T, phường P, quận T, thành phố H, Tòa án nhân dân thành phố Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản X, huyện S, tỉnh Attapeu, Cộng hòa dân chủ nhân dân L (CHDCND Lào); có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Lệ T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày: Năm 2013, sau một thời gian tìm hiểu nhau, bà và ông Phạm Văn Đ tổ chức lễ cưới tại tỉnh Ninh Bình và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2013. Sau khi kết hôn, bà và ông Đ chung sống với nhau một thời gian, sau đó ông Đ đi làm ăn xa

tại CHDCND L còn bà tiếp tục sinh sống ở Việt Nam. Từ đó đến nay, ông Đ và bà sống xa nhau. Do hoàn cảnh vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc cho nhau, ông Đ cũng không về Việt Nam chung sống với bà T được, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T nộp đơn xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T khai bà và ông Phạm Văn Đ có 01 con chung là cháu Phạm Trần Linh Đ1, sinh ngày 01/01/2015. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Đ1 và ông Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 24/11/2024, bị đơn - ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông xác nhận quan hệ hôn nhân đúng như bà Trần Thị Lệ T đã trình bày. Do nhận thấy khả năng đoàn tụ không có, tình cảm vợ chồng không còn nên ông thống nhất với yêu cầu của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông xác nhận ông và bà T có 01 con chung là cháu Phạm Trần Linh Đ1, sinh ngày 01/01/2015. Sau khi ly hôn ông đồng ý để bà T được nuôi cháu Đ1 và ông không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận giữa hai vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện:

- Cho bà Trần Thị Lệ T được ly hôn ông Phạm Văn Đ.
- Giao cháu Phạm Trần Linh Đ1, sinh ngày 01/01/2015 cho bà Trần Thị Lệ T nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng cho con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Phạm Văn Đ, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Công văn yêu cầu cung cấp lời khai cho ông Đ theo đường bưu chính. Ngày 25/11/2024, Tòa án đã nhận được văn bản cung cấp lời khai của ông Phạm Văn Đ. Văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền tại CHDCND L xác nhận. Ông Đ trình

bày do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên ông Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đề nghị của ông Đ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Văn Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T và ông Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, mỗi người sống mỗi nơi, ông Đ làm việc ở CHDCND L còn bà T sống ở Việt Nam. Do cách trở về địa lý, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng tình cảm vợ chồng không còn, khó có khả năng đoàn tụ. Hơn nữa bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ và ông Đ cũng đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng bà T và ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Trần Thị Lệ T được ly hôn ông Phạm Văn Đ, được quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung : Bà Trần Thị Lệ T và ông Phạm Văn Đ có 01 con chung là cháu Phạm Trần Linh Đ1, sinh ngày 01/01/2015, hiện đang sống cùng với bà Trần Thị Lệ T. Do ông Đ hiện không có điều kiện chăm sóc con. Cháu Đ1 đang được bà T chăm sóc chu đáo và theo nguyện vọng của cháu cũng như sự thống nhất của các đương sự, nên sau khi ly hôn, cần thiết giao cháu Phạm Trần Linh Đ1 cho bà Trần Thị Lệ T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung : Hai bên đều khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Lệ T được ly hôn ông Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Linh Đ1, sinh ngày 01/01/2015 cho bà Trần Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng cho cháu Đ1.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết;

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Lệ T phải chịu án 300.000 đồng phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 319 ngày 16/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế). Bà T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bà Trần Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Huế;
- Cục THA thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nam

